

Số: 2948/GPMT-UBND

Hải Dương, ngày 13 tháng 12 năm 2023

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét văn bản đề nghị Cấp giấy phép môi trường của Công ty cổ phần đầu tư và phát triển hạ tầng Nam Quang ngày 26 tháng 7 năm 2023 và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 1027/TTr-TNMT ngày 12 tháng 12 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty cổ phần đầu tư và phát triển hạ tầng Nam Quang, địa chỉ tại Khu công nghiệp Nam Sách, phường Ái Quốc, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Khu công nghiệp Phúc Điền với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của cơ sở

1.1. Tên cơ sở: Khu công nghiệp Phúc Điền.

1.2. Địa điểm hoạt động: xã Cẩm Phúc và xã Cẩm Điền, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0800274112 do phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp, đăng ký lần đầu ngày 06 tháng 5 năm 2005, đăng ký thay đổi lần thứ 18 ngày 20 tháng 6 năm 2022; Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 1824472727 do Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Hải Dương cấp, chứng nhận lần đầu ngày 08 tháng 5 năm 2003, chứng nhận thay đổi lần thứ nhất ngày 04 tháng 5 năm 2017.

1.4. Mã số thuế: 0800274112.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Khu công nghiệp, gồm các ngành, nghề được phép thu hút đầu tư như sau:

- Ngành nghề điện - điện tử;
- Gia công cơ khí, lắp ráp và điện tử;
- Dệt, may và hàng tiêu dùng;
- Chế biến sản phẩm nông nghiệp;
- Sản xuất hàng thủ công mỹ nghệ truyền thống của địa phương và một số ngành nghề khác.

1.6. Phạm vi, quy mô của cơ sở

- Cơ sở có tiêu chí về môi trường như dự án đầu tư nhóm I theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

- Quy mô: Cơ sở có tiêu chí như dự án nhóm A (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Tổng diện tích sử dụng đất: 82,88 ha.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty cổ phần đầu tư và phát triển hạ tầng Nam Quang

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty cổ phần đầu tư và phát triển hạ tầng Nam Quang có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến UBND tỉnh Hải Dương.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 07 năm, kể từ ngày ký.

Các giấy phép môi trường thành phần do cơ quan có thẩm quyền đã cấp cho Công ty cổ phần đầu tư và phát triển hạ tầng Nam Quang, gồm: Giấy xác nhận số 62/GXN-STNMT ngày 23 tháng 5 năm 2012 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hải Dương; Giấy phép số 27/GP-TCTL-PCTTr ngày 13 tháng 01 năm 2021 của Tổng cục Thủy lợi - Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hết hiệu lực kể từ ngày Giấy phép môi trường này có hiệu lực.

Điều 4. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Công ty cổ phần đầu tư và phát triển hạ tầng Nam Quang;
- Chủ tịch UBND tỉnh (để báo cáo);
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh;
- Chánh Văn phòng UBND tỉnh;
- UBND huyện Cẩm Giàng;
- Trung tâm CNTT - Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTN, Thành (5b).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lưu Văn Bản

Phụ lục I

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 2948/GPMT-UBND
ngày 13 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt từ khu vực nhà điều hành và khu hạ tầng kỹ thuật của Khu công nghiệp Phúc Điền. Nước thải được xử lý sơ bộ tại bể tự hoại, sau đó thu gom về Trạm xử lý nước thải tập trung có tổng công suất thiết kế 1.500 m³/ngày đêm để xử lý.

- Nguồn số 02: Nước thải từ các cơ sở thứ cấp trong Khu công nghiệp Phúc Điền. Nước thải được xử lý sơ bộ tại các cơ sở để đạt tiêu chuẩn đầu nổi nước thải của Khu công nghiệp trước khi thu gom về Trạm xử lý nước thải tập trung có tổng công suất thiết kế 1.500 m³/ngày đêm để xử lý.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Sông Sặt tại xã Cẩm Phúc, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương.

2.2. Vị trí xả nước thải

- Vị trí xả nước thải: 01 điểm xả nước thải sau xử lý vào sông Sặt tại xã Cẩm Phúc, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương.

- Tọa độ xả thải (hệ tọa độ VN 2.000, kinh tuyến trực 105⁰30', múi chiếu 3⁰): X(m) = 2314841; Y(m) = 572028.

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 1.500 m³/ngày đêm.

2.3.1. Phương thức xả nước thải

- Nước thải sau khi được xử lý tại Trạm xử lý nước thải của KCN theo hệ thống đường ống nhựa PVC D250 - C3 dài 60m tự chảy vào sông Sặt tại xã Cẩm Phúc, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương.

- Hình thức xả: Xả mặt và xả ven bờ. Điểm xả nước thải sau xử lý có biển báo, có sàn công tác và có lối đi để thuận lợi cho việc kiểm tra, kiểm soát nguồn thải.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: xả thải liên tục 24 giờ/ngày, thời gian xả liên tục trong năm.

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (cột A với hệ số K_q = 0,9

và $K_f = 1,0$), cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động liên tục
1	Nhiệt độ	°C	40	03 tháng/lần	Đã lắp đặt
2	pH	-	6 - 9		Đã lắp đặt
3	COD	mg/l	67,5		Đã lắp đặt
4	Chất rắn lơ lửng	mg/l	45		Đã lắp đặt
5	Amoni (tính theo N)	mg/l	4,5		Đã lắp đặt
6	Độ màu	Pt/Co	50		Không áp dụng
7	BOD ₅ (20°C)	mg/l	27		
8	Asen (As)	mg/l	0,045		
9	Thủy ngân (Hg)	mg/l	0,0045		
10	Chì (Pb)	mg/l	0,09		
11	Cadimi (Cd)	mg/l	0,045		
12	Crom (VI) (Cr ⁺⁶)	mg/l	0,045		
13	Crom (III) (Cr ³⁺)	mg/l	0,18		
14	Đồng (Cu)	mg/l	1,8		
15	Kẽm (Zn)	mg/l	2,7		
16	Niken (Ni)	mg/l	0,18		
17	Mangan (Mn)	mg/l	0,45		
18	Sắt (Fe)	mg/l	0,9		
19	Tổng xianua	mg/l	0,063		
20	Tổng phenol	mg/l	0,09		
21	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	4,5		
22	Sunfua	mg/l	0,18		
23	Florua	mg/l	4,5		
24	Tổng nitơ	mg/l	18		
25	Tổng phốt pho (tính theo P)	mg/l	3,6		
26	Clorua	mg/l	450		
27	Clo dư	mg/l	0,9		
28	Coliform	Vi khuẩn /100ml	3.000		
29	Tổng hoạt độ phóng xạ α	Bq/l	0,1		

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động liên tục
30	Tổng hoạt độ phóng xạ β	Bq/l	1,0		
31	Tổng hoá chất bảo vệ thực vật clo hữu cơ	mg/l	0,045	1 năm/lần	Không áp dụng
32	Tổng hoá chất bảo vệ thực vật phot pho hữu cơ	mg/l	0,27		
33	Tổng PCB	mg/l	0,0027		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt từ khu nhà điều hành và khu hạ tầng kỹ thuật của khu công nghiệp Phúc Điền được xử lý sơ bộ qua bể tự hoại 3 ngăn, sau đó dẫn vào ống nhựa PCV $\Phi 110$, dài 100m vào hệ thống thu gom nước thải của khu công nghiệp và dẫn vào Trạm xử lý nước thải tập trung để xử lý.

- Nguồn số 02: Nước thải của các cơ sở thứ cấp trong KCN (gồm nước thải sinh hoạt và nước thải sản xuất) được xử lý sơ bộ tại cơ sở để đạt tiêu chuẩn đầu nổi nước thải của khu công nghiệp, sau đó thoát vào hệ thống thu gom nước thải của khu công nghiệp bằng công tròn BTCT D300-400 (dài khoảng 4.213m, có 101 hố ga, độ dốc 2%) tự chảy về Trạm xử lý nước thải tập trung để xử lý. Từ năm 2020 đến nay, Công ty cổ phần đầu tư và phát triển hạ tầng Nam Quang đã thay thế ống BTCT D300 sang ống nhựa HPDE D300, dài 700m. Dự kiến từ năm 2024 đến năm 2028 thay thế toàn bộ ống công BTCT còn lại bằng đường ống HDPE.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

1.2.1. Bể tự hoại của Nhà điều hành, Khu xử lý nước thải tập trung

- Đã xây dựng bể tự hoại 03 ngăn tại khu nhà điều hành và nhà vận hành trạm xử lý nước thải tập trung của KCN.

- Số lượng: 02 bể tự hoại.

- Dung tích: 01 bể tự hoại khu nhà điều hành dung tích 6,3m³; 01 bể tự hoại nhà vận hành trạm xử lý nước thải tập trung của KCN dung tích 5,4 m³/bể.

- Quy trình: Nước thải sinh hoạt → Bể tự hoại 3 ngăn → Hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Không.

1.2.2. Trạm xử lý nước thải tập trung

Đã xây dựng Trạm xử lý nước thải tập trung có tổng công suất thiết kế 1.500 m³/ngày đêm, bao gồm 02 mô-đun xử lý nước thải, cụ thể như sau:

a) Mô-đun xử lý nước thải số 01

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải → Bể gom (chung cho hai modul) → Bể tách dầu mỡ, tách rác → Bể điều hòa → Bể phản ứng 1 → Bể phản ứng 2 → Bể phản ứng 3 → Bể lắng sơ cấp → Bể thiếu khí 1 → Bể hiếu khí 1 → Bể thiếu khí 2 → Bể hiếu khí 2 → Bể lắng thứ cấp → Bể khử trùng → Mương quan trắc (dùng chung cho cả 02 mô-đun) → Sông Sặt.

- Công suất thiết kế: 700 m³/ngày đêm.

- Thông số kỹ thuật của modul 700 m³/ngày đêm: Bể gom (chung cho hai modul) (73,9m³); bể điều hòa (201,15m³); bể phản ứng 1 (8,53m³); bể phản ứng 2 (8,53m³); bể phản ứng 3 (13,9m³); bể lắng sơ cấp (118,81m³); bể thiếu khí 1 (87,6m³); bể hiếu khí 1 (173,4m³); bể thiếu khí 2 (111,6m³); bể hiếu khí 2 (173,4m³); bể lắng thứ cấp (181,3m³); bể khử trùng (39,42m³); bể chứa và làm đặc bùn (51m³); mương quan trắc (chung cho cả hai modul) (2,79m³).

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: NaOH, H₂SO₄, NaOCl, đường C₆H₁₂O₆, PAC, Polime Anion; Polime cation, H₂O₂ (hoặc các hóa chất khác tương đương đảm bảo chất lượng nước thải sau xử lý đạt yêu cầu và không phát sinh thêm chất ô nhiễm quy định tại Mục 2.3.3 Phần A của Phụ lục này).

b) Mô-đun xử lý nước thải số 02

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải → Bể gom (chung cho hai modul) → Bể tách dầu mỡ, tách rác → Bể điều hòa → Bể phản ứng 1 → Bể phản ứng 2 → Bể phản ứng 3 → Bể lắng sơ cấp → Bể thiếu khí → Bể hiếu khí → Bể lắng thứ cấp → Bể khử trùng → Mương quan trắc (dùng chung cho cả 02 mô-đun) → Sông Sặt.

- Công suất thiết kế: 800 m³/ngày đêm.

- Thông số kỹ thuật của modul 800 m³/ngày đêm: bể điều hòa (183,75m³); bể phản ứng 1 (4,81m³); bể phản ứng 2 (6,25m³); bể phản ứng 3 (7,2m³); bể lắng sơ cấp (92,8m³); bể thiếu khí (72,52m³); bể hiếu khí (549m³); bể lắng thứ cấp (392,5m³); bể khử trùng (26m³); bể phân hủy bùn (108,9 m³); bể chứa và làm đặc bùn (54,5m³).

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: NaOH, H₂SO₄, NaOCl, đường C₆H₁₂O₆, PAC, Polime Anion; Polime cation, H₂O₂ (hoặc các hóa chất khác tương đương đảm bảo chất lượng nước thải sau xử lý đạt yêu cầu và không phát sinh thêm chất ô nhiễm quy định tại Mục 2.3.3 Phần A của Phụ lục này).

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục

- Số lượng: 01 trạm (dùng chung cho cả 02 modul).

- Vị trí lắp đặt: Mương quan trắc.

- Thông số lắp đặt: Lưu lượng (đầu vào và đầu ra), nhiệt độ, pH, COD, TSS và Amoni.

- Thiết bị lấy mẫu tự động: Có.

- Camera theo dõi: Đã lắp camera giám sát.

- Kết nối, truyền số liệu: Dữ liệu được truyền về Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hải Dương để theo dõi, giám sát (đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hải Dương xác nhận kết nối dữ liệu trạm quan trắc nước thải tự động, liên tục tại văn bản số 2061/STNMT-CCBVMT ngày 02 tháng 11 năm 2021).

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

1.4.1. Công trình ứng phó sự cố

Khu công nghiệp Phúc Điền đã được UBND tỉnh Hải Dương phê duyệt điều chỉnh cục bộ Quy hoạch chi tiết xây dựng tại Quyết định số 1834/QĐ-UBND ngày 21 tháng 6 năm 2021, trong đó có quy hoạch đất hồ sự cố chứa nước thải khi Trạm xử lý nước thải gặp sự cố với diện tích 1.000m², dung tích chứa 3.000m³. Lòng hồ được lót lớp vải địa kỹ thuật chống thấm và đổ bê tông xi măng M150 dày 10cm, sâu 3m, thành hồ được kè đá xung quanh. Trong hồ lắp đặt hệ thống đường ống, van một chiều độc lập cho đường nước vào và nước ra cùng với hệ thống bơm công suất 3,7kW, lưu lượng 60m³/h, đáp ứng lưu chứa toàn bộ nước thải phát sinh của KCN khi có sự cố trong khoảng thời gian từ 2-3 ngày. Dự kiến hoàn thành chậm nhất đến ngày 31 tháng 12 năm 2025.

1.4.2. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố

- Trang bị các thiết bị dự phòng, cụ thể như: máy bơm nước thải, máy thổi khí đảo trộn,... để ứng phó, khắc phục sự cố của Trạm xử lý nước thải.

- Thường xuyên kiểm tra đường ống công nghệ, thiết bị, kịp thời khắc phục các sự cố rò rỉ, tắc nghẽn.

- Thực hiện các biện pháp quản lý, giám sát hoạt động của hệ thống xử lý nước thải để có biện pháp kịp thời ứng phó sự cố.

- Định kỳ hàng năm thực hiện kiểm tra, duy tu, bảo dưỡng thiết bị, máy móc hệ thống xử lý nước thải, hệ thống thu gom và thoát nước thải.

- Ban hành tiêu chuẩn đầu nối nước thải trong khu công nghiệp, buộc các cơ sở thứ cấp phải xử lý nước thải đạt tiêu chuẩn đầu nối trước khi đầu nối vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của khu công nghiệp.

- Vận hành hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục giám sát nước thải sau xử lý; bố trí cán bộ phụ trách về môi trường được đào tạo, chuyển giao kỹ thuật vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung, ứng phó sự cố.

- Trường hợp nồng độ các chất ô nhiễm trong nước thải đầu vào vượt giới hạn tiếp nhận của Trạm xử lý nước thải tập trung: Xác định doanh nghiệp đang xả nước thải vượt quá giới hạn tiếp nhận, lập tức đóng cửa cống tiếp nhận nước thải và yêu cầu doanh nghiệp đó điều chỉnh hoạt động để đảm bảo nước thải đầu

nổi phải đáp ứng tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải của hệ thống xử lý nước thải tập trung.

- Trường hợp phát hiện nước thải sau xử lý vượt quy chuẩn kỹ thuật môi trường thông qua hệ thống quan trắc tự động, liên tục hoặc chương trình giám sát nước thải đầu ra định kỳ hoặc đột xuất: Thực hiện đóng van xả nước thải ra nguồn tiếp nhận của mô-đun gặp sự cố và thực hiện các giải pháp khắc phục:

+ Trường hợp xảy ra sự cố khi chưa có hồ sự cố: kiểm tra, xác định nguyên nhân của sự cố, vận hành tối đa công suất của mô-đun xử lý không bị sự cố; sử dụng các bể còn lại trong mô-đun bị sự cố để trữ nước thải tạm thời trong thời gian chờ khắc phục sự cố; phối hợp với các doanh nghiệp trong khu công nghiệp giảm lưu lượng xả thải, xả thải vào các khung giờ khác nhau để tránh quá tải trong cùng một thời điểm.

+ Trường hợp xảy ra sự cố khi đã có hồ sự cố:

++ Trường hợp một trong hai mô-đun xử lý nước thải gặp sự cố thiết bị hoặc tạm dừng để duy tu, bảo trì thì nước thải đầu vào được xử lý bằng mô-đun còn lại, đồng thời nước thải từ mô-đun bị sự cố được bơm về hồ sự cố, không xả ra sông Sặt. Sau khi khắc phục xong sự cố hoặc bảo trì xong, nước thải được bơm từ hồ sự cố về hai mô-đun để xử lý.

++ Trường hợp cả hai mô-đun xử lý nước thải gặp sự cố, nước thải tại các mô-đun và nước thải đầu vào sẽ được bơm về hồ sự cố để lưu giữ. Sau khi khắc phục xong sự cố, nước thải từ hồ sự cố được bơm về hai mô-đun để xử lý.

1.5. Tiêu chuẩn nước thải đầu vào của hệ thống xử lý nước thải tập trung

TT	Thông số	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép
1	Nhiệt độ	°C	45
2	Màu	Pt/Co	-
3	pH	-	5-9
4	BOD ₅ (20°C)	mg/l	130
5	COD	mg/l	520
6	Chất rắn lơ lửng	mg/l	260
7	Asen	mg/l	0,65
8	Thủy ngân	mg/l	0,013
9	Chì	mg/l	1,3
10	Cadimi	mg/l	0,65
11	Crom (VI)	mg/l	0,05
12	Crom (III)	mg/l	0,2
13	Đồng	mg/l	6,5
14	Kẽm	mg/l	6,5

TT	Thông số	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép
15	Niken	mg/l	0,2
16	Mangan	mg/l	6,5
17	Sắt	mg/l	13
18	Tổng xianua	mg/l	0,26
19	Tổng phenol	mg/l	1,3
20	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	13
21	Sunfua	mg/l	0,2
22	Florua	mg/l	19,5
23	Amoni (tính theo N)	mg/l	19,5
24	Tổng nitơ	mg/l	78
25	Tổng phot pho (tính theo P)	mg/l	10,4
26	Clorua	mg/l	500
27	Clo dư	mg/l	-
28	Tổng hoá chất bảo vệ thực vật clo hữu cơ	mg/l	-
29	Tổng hoá chất bảo vệ thực vật phot pho hữu cơ	mg/l	-
30	Tổng PCB	mg/l	-
31	Coliform	vi khuẩn/100ml	-
32	Tổng hoạt độ phóng xạ α	Bq/l	-
33	Tổng hoạt độ phóng xạ β	Bq/l	-

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

Không phải vận hành thử nghiệm do trạm xử lý nước thải công suất 1.500m³/ngày đêm của Khu công nghiệp Phúc Điền đã được Tổng cục Thủy lợi - Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cấp giấy phép xả thải số 27/GP-TCTL-PCTTr ngày 13 tháng 01 năm 2021 (gia hạn lần 1) theo quy định tại khoản 4, điều 31, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của KCN, bảo đảm đáp ứng theo quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục 2.3.3 Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Đảm bảo hệ thống thu gom và thoát nước mưa của KCN riêng biệt với hệ thống thu gom, xử lý và xả nước thải sau xử lý của KCN. Hệ thống thu gom và thoát nước mưa của KCN phải có hố ga lắng cặn trước khi xả vào sông Sắt. Hệ thống thu gom và thoát nước mưa, thu gom và thoát nước thải sau xử lý

của KCN phải thường xuyên được nạo vét, duy tu, bảo dưỡng định kỳ để đảm bảo luôn trong điều kiện vận hành bình thường.

3.3. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải. Việc vận hành Trạm xử lý nước thải tập trung phải có nhật ký vận hành ghi chép đầy đủ các nội dung: lưu lượng (đầu vào, đầu ra), các thông số đặc trưng của nước thải đầu vào và đầu ra (nếu có); lượng điện tiêu thụ; loại và lượng hóa chất sử dụng, bùn thải phát sinh; nhật ký vận hành viết bằng tiếng Việt và lưu giữ tối thiểu 02 năm.

3.4. Chịu trách nhiệm ký kết và thực hiện hợp đồng với đơn vị quản lý công trình thủy lợi và chấp hành nghiêm túc các quy định của pháp luật về xả nước thải vào công trình thủy lợi theo quy định. Trường hợp việc xả nước thải sau xử lý gây ảnh hưởng xấu tới chất lượng của công trình thủy lợi, Công ty phải phối hợp chặt chẽ với đơn vị quản lý công trình thủy lợi để giải quyết theo hợp đồng đã ký kết và quy định của pháp luật.

3.5. Hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục phải được truyền dẫn thường xuyên, ổn định dữ liệu, số liệu quan trắc về Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hải Dương. Thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục phải được thử nghiệm, kiểm định, hiệu chuẩn theo quy định của pháp luật về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng. Việc kết nối, truyền số liệu quan trắc nước thải tự động, liên tục được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và quy định tại Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật quan trắc môi trường và quản lý thông tin, dữ liệu quan trắc chất lượng môi trường. Hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục phải được kiểm soát chất lượng định kỳ 01 lần/năm theo quy định tại Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT. Trường hợp hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục đã đáp ứng các yêu cầu theo quy định, Công ty cổ phần đầu tư và phát triển hạ tầng Nam Quang được miễn trách nhiệm quan trắc định kỳ nước thải đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2024; sau thời gian này, chỉ được miễn thực hiện quan trắc nước thải công nghiệp định kỳ đối với các thông số đã được quan trắc tự động, liên tục.

3.6. Công ty cổ phần đầu tư và phát triển hạ tầng Nam Quang chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả nước thải không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường.

Phụ lục II

BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 2948/GPMT-UBND ngày 13 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung

- Nguồn số 01: Tại phòng đặt máy thổi khí và máy ép bùn của hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 1.500m³/ngày đêm.

- Nguồn số 02: Tại phòng đặt máy phát điện dự phòng

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung

- Tọa độ theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 105^o30', múi chiếu 3^o

+ Nguồn số 01: X(m) = 2314912; Y(m) = 572041

+ Nguồn số 02: X(m) = 2314948; Y(m) = 572029

3. Tiếng ồn, độ rung

Phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường, QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn

TT	Giới hạn tối đa cho phép về tiếng ồn, dBA		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	55	Không thực hiện	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	60	Không thực hiện	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

- Máy thổi khí, máy ép bùn và máy phát điện dự phòng được đặt trong phòng để giảm thiểu tiếng ồn.

- Định kỳ bảo dưỡng thiết bị, máy móc để giảm thiểu phát sinh tiếng ồn, độ rung.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A phụ lục này.

2.2. Nâng cấp, thay thế các máy móc, thiết bị phụ trợ (khi xuống cấp) có phát sinh tiếng ồn, độ rung lớn bằng các máy móc, thiết bị hiện đại để giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đến môi trường xung quanh, đảm bảo đáp ứng các quy chuẩn kỹ thuật môi trường quy định.

Phụ lục III

YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 2948/GPMT-UBND
ngày 13 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên

TT	Tên chất thải	Mã chất thải	Trạng thái tồn tại	Khối lượng (kg/năm)	Ký hiệu phân loại
1	Bùn thải có các thành phần nguy hại từ quá trình xử lý nước thải	12 06 05	Rắn/Bùn	75.000	KS
2	Bóng đèn huỳnh quang thải	16 01 06	Rắn	5	NH
3	Bao bì mềm (đã chứa chất khi thải ra là chất thải nguy hại) thải	18 01 01	Rắn	100	KS
4	Các loại dầu động cơ, hộp số và bôi trơn thải khác	17 02 04	Lỏng	100	NH
5	Găng tay, giẻ lau dính dầu, mỡ	18 02 01	Rắn	30	KS
6	Bao bì nhựa cứng thải (đã chứa chất khi thải ra là chất thải nguy hại)	18 01 03	Rắn	20	KS
Tổng khối lượng				75.255	

1.2. Khối lượng chất thải rắn thông thường phát sinh thường xuyên

TT	Tên chất thải	Mã chất thải thông thường	Trạng thái (Rắn/lỏng/bùn)	Khối lượng (kg/năm)
1	Rác thải thu gom từ các thùng chứa rác công cộng trong KCN và tại nhà điều hành (rác thải gồm các bao bì caton, giấy, nilon, nhựa, thủy tinh, kim loại, vải...)	18 01 05 18 01 06 18 01 08 18 01 09 18 01 10	Rắn	4.550
2	Rác vệ sinh khuôn viên KCN (rác thải gồm cành, lá cây, đất cát... vệ sinh đường, vỉa hè, cây xanh, bùn từ hồ ga thu nước mưa)	19 12 05 11 05 04	Rắn	9.000

TT	Tên chất thải	Mã chất thải thông thường	Trạng thái (Rắn/lỏng/bùn)	Khối lượng (kg/năm)
	Tổng			13.550

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

2.1.1. Thiết bị lưu chứa

Thùng nhựa có nắp đậy được dán nhãn cảnh báo nguy hại; bao bì được dán nhãn cảnh báo nguy hại.

2.1.2. Thiết bị ép bùn thải

- Có 02 bể chứa bùn đặt tại 02 mô-đun xử lý nước thải.
- Có 01 máy ép bùn dùng chung cho cả 02 mô-đun xử lý nước thải.
- Nước thải sau máy ép bùn được thu gom bằng đường ống nhựa PVC D110-C3, chiều dài 28m về bể gom của Trạm xử lý nước thải tập trung để xử lý.

2.1.3. Kho lưu chứa

- Kho chứa bùn thải từ Trạm xử lý nước thải:
- + Diện tích kho chứa bùn: khoảng 84m².
- + Thiết kế, cấu tạo: mái lợp tôn, tường xây gạch lửng, nền bê tông, có rãnh thu và hố thu trong trường hợp xảy ra sự cố rò rỉ chất thải lỏng, được trang bị thiết bị phòng cháy chữa cháy, vật liệu thấm hút, có biển cảnh báo, phòng ngừa theo quy định.

- Kho chứa chất thải nguy hại khác:

- + Diện tích kho chứa chất thải nguy hại: khoảng 6m².
- + Thiết kế, cấu tạo: nền lót gạch chống thấm, tường xây gạch, mái lợp tôn; được trang bị thiết bị phòng cháy chữa cháy, vật liệu thấm hút, có biển cảnh báo, phòng ngừa theo quy định.

2.1.4. *Chất thải nguy hại* phải thực hiện phân định, phân loại, thu gom, lưu giữ, chuyển giao xử lý theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 83 Luật Bảo vệ môi trường, Điều 71 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải sinh hoạt, rác vệ sinh khuôn viên

2.2.1. Thiết bị lưu chứa

- Trang bị 18 thùng nhựa loại 120 lít để chứa chất thải trong khuôn viên của KCN.

2.2.2. Kho chứa

- Diện tích kho chứa chất thải sinh hoạt khoảng: 25m².
- Thiết kế cấu tạo của kho chứa: tường xây gạch lửng, mái tôn, nền bê tông, chống thấm, có gắn dấu hiệu cảnh báo.

2.2.3. *Chất thải rắn sinh hoạt, rác vệ sinh khuôn viên* phải được quản lý, phân loại, lưu giữ, chuyển giao xử lý theo quy định tại Điều 75 Luật Bảo vệ môi trường, Điều 58 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

1. Thực hiện phương án phòng chống, ứng phó với sự cố rò rỉ hóa chất và các sự cố khác theo quy định của pháp luật.

2. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

3. Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

Phụ lục IV

CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 2948/GPMT-UBND ngày 13 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ/CƠ SỞ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG

- Đã hoàn thành các công trình, hạng mục công trình và các yêu cầu về bảo vệ môi trường ứng với phân diện tích 82,88ha của Khu công nghiệp Phúc Điền theo nội dung Quyết định số 33/QĐ-TN&MT ngày 04/4/2006 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hải Dương về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Đầu tư xây dựng, kinh doanh cơ sở hạ tầng Khu công nghiệp Phúc Điền của Công ty cổ phần đầu tư phát triển hạ tầng Nam Quang tại xã Cẩm Phúc và Cẩm Điền, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương”, trong đó một số nội dung thay đổi so với Quyết định số 33/QĐ-TN&MT nêu trên đã được nêu trong báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của Công ty cổ phần đầu tư phát triển hạ tầng Nam Quang.

- Đối với yêu cầu xây dựng hồ sơ cố: Công ty cổ phần đầu tư phát triển hạ tầng Nam Quang khẩn trương xây dựng hồ sơ cố trong Khu công nghiệp Phúc Điền theo yêu cầu về bảo vệ môi trường, thời gian xây dựng hoàn thiện chậm nhất đến ngày 31/12/2025.

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2. Bố trí nhân sự phụ trách về bảo vệ môi trường được đào tạo chuyên ngành môi trường hoặc lĩnh vực chuyên môn phù hợp theo quy định tại điểm e khoản 4 Điều 51 và điểm e khoản 1 Điều 53 Luật Bảo vệ môi trường.

3. Ban hành quy chế về bảo vệ môi trường của Khu công nghiệp phù hợp yêu cầu về bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật theo quy định tại điểm k khoản 4 Điều 51 Luật Bảo vệ môi trường.

4. Diện tích cây xanh phải bảo đảm tỷ lệ theo quy định của pháp luật về xây dựng.

5. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm (trong đó cập

nhật các thay đổi thông tin về phát sinh chất thải tại Phụ lục 3, do các thay đổi này không thuộc đối tượng phải điều chỉnh Giấy phép môi trường) hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

6. Thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.